

Các động từ được theo sau là To Infinitive (V + To Infinitive)

A. Liệt kê các động từ được theo sau là To Infinitive trong tiếng Anh

offer	tặng	I manage	xoay xở	decide	quyết định	I	
afford	cố gắng	hope	hy vọng	I refuse	từ chối	deserve	
xứng đáng	I threaten	đe dọa	attempt	cố gắng	I arrange	sắp	
đặt	promise	hứa	I learn	học tập	agree	đồng ý	I
forget	quên	plan	dự định	I fail	thất bại	aim	nhằm
mục đích	I						

Nếu các động từ trên được theo sau bởi một động từ khác thì cấu trúc thường là:

Verb + to + Infinitive (động từ nguyên mẫu)

Ví dụ:

- It was late, so we decided to take a taxi home. Lúc đó đã trễ rồi, nên chúng tôi quyết định đi taxi về nhà. - Simon was in a difficult situation, so I agreed to lend him some money. Simon đã ở trong một tình huống khó khăn, nên tôi đã đồng ý cho anh ấy mượn tiền. - How old were you when you learn to drive? (hoặc "learn how to drive") Bạn đã học lái xe khi bạn bao nhiêu tuổi? - I waved to Karen but failed to attract her attention. Tôi đã vẫy Karen nhưng không thu hút được sự chú ý của cô ấy.

Khi được chuyển sang dạng phủ định, cấu trúc là:

Verb + not + to + Infinitive (động từ nguyên mẫu)

Ví dụ:

- We decided not to go out because of the weather. Chúng tôi đã quyết định không đi chơi bởi thời tiết xấu. - I promised not to be late. Tôi đã hứa sẽ không trễ.

Với một số động từ (ví dụ: **enjoy/think/suggest**) chúng ta không thể sử dụng **to + infinitive** theo sau.

Ví dụ:

- I enjoy dancing. (KHÔNG nói 'enjoy to dance') Tôi thích khiêu vũ. - Ian suggested going to the cinema. (KHÔNG nói 'suggested to go') Ian đã đề nghị đi xem phim. - Are you thinking of buying a car? (KHÔNG nói 'thinking to buy') Bạn đang nghĩ đến chuyện mua một chiếc xe hơi phải không?

B.

Chúng ta cũng có thể sử dụng **to** sau các động từ **seem** (dường như); **appear**(xuất hiện); **tend** (có khuynh hướng); **pretend** (giả vờ); **claim** (phản nài)

Ví dụ:

- They seem to have plenty of money. Dường như họ có khá nhiều tiền. - I like George but I think he tends to talk too much. Tôi mến George nhưng tôi cho rằng anh ấy hay nói quá nhiều.

Với một số động từ này, bạn cũng có thể sử dụng hình thức **Continuous Infinitive (to be reading)** và **Perfect Infinitive (to have done)**:

Ví dụ:

- I pretended to be reading the newspaper. (=I pretended that I was reading) Tôi đã giả vờ đang đọc một tờ báo. - You seem to have lost weight. (=it seems that you have lost weight) Anh ấy dường như đã giảm cân.

C.

Chúng ta có thể nói “**decide to do something**”, “**promise to do something**” Một cách tương tự, ta có thể nói “**a decision to do something**”, “**a promise to do something**”... (**noun+to...**)

Ví dụ:

- I think his decision to give up his job was stupid. Tôi cho rằng quyết định bỏ việc của anh ấy là dại dột. - George has a tendency to talk too much. George có khuynh hướng nói quá nhiều.

D. Cách sử dụng dare, dare not trong tiếng Anh

- Sau **dare**, bạn có thể sử dụng **động từ nguyên thể (Infinitive)** có hay không có **to** đều được.

- I wouldn't dare to tell him hoặc I wouldn't dare tell him. Tôi sẽ không dám nói với anh ta.

- Nhưng sau **daren't (dare not)**, bạn phải sử dụng **động từ nguyên thể (Infinitive)** có **to**.

- I daren't tell him what happened. (KHÔNG nói 'I daren't to tell him') Tôi không dám nói với anh ấy những gì đã xảy ra.

E.

Sau các động từ sau, bạn có thể sử dụng một từ để hỏi (**what/whether/how ...**) + **to...**

ask	hỏi		decide	quyết định	know	biết		
remember	nhớ	forget	quên		explain	giải thích	learn	hiểu,
biết		understand	hiểu	wonder	ngạc nhiên, tự hỏi			

Ví dụ:

- We asked how to get to the station. Chúng tôi đã hỏi đường tới nhà ga. - Have you decided where to go for your holiday? Bạn đã quyết định đi nghỉ ở đâu chưa? - I don't know whether to apply for the job or not. Tôi không biết có nên nộp đơn xin việc hay không. - Do you understand what to do? Bạn có hiểu phải làm gì không?

Tương tự: **show/tell/ask/advise/teach** + somebody + **what/how/where** + to do something.

Ví dụ:

- Can somebody show me how to change the film in this camera? Có ai có thể chỉ cho tôi biết cách thay phim cho chiếc máy ảnh này không? - Ask Jack. He'll tell you what to do. Hãy hỏi Jack. Anh ấy sẽ nói cho bạn phải làm gì.